TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2026/KDTM-PT
Ngày: 14-5-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Cao Xuân Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Vân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Vũ Duyên Trường – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14-5-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 48/2026/TLPT-KDTM ngày 13-01-2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30-8-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1519/2026/QĐ-PT ngày 12-3-2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4677/2026/QĐ-PT ngày 06-4-2026, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số 5520/2026/TB-TA ngày 20-4-2026, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số 6103/2026/TB-TA ngày 27-4-2026 và Quyết định thay đổi Thẩm phán tham gia Hội đồng xét xử số 48A/QĐ-TA ngày 13-5-2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Thép không gỉ S

Địa chỉ trụ sở: 1 N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Tuấn H, sinh năm 1978 – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Số C Phố H, phường H, thành phố Hà Nội *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Thu P, sinh năm 1982 – Phó giám đốc kinh doanh; Địa chỉ liên hệ: Số B T, phường T, thành phố Hà Nội *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1972 và/hoặc bà Nguyễn Thị Ái K, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Số C Đ, khu phố Q, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh *(ông Q vắng mặt, bà K có mặt)*.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần C

Địa chỉ: Tổ dân phố A, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1977 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: Số G, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) *(vắng mặt)*.

- Ông Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1990 – Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 1981; Địa chỉ: C P, phường V, thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

3. Người kháng cáo: Công ty cổ phần C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty cổ phần Thép không gỉ S và những người đại diện hợp pháp thống nhất trình bày:

Công ty cổ phần Thép không gỉ S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C) đã ký kết Hợp đồng mua bán số 0512-2022/HĐ/VTStek-SN ngày 05-12-2022 để mua bán các mặt hàng tấm thép không gỉ, cụ thể như sau:

- Quy cách 5.0 x 1,500Up x 3,000MM, khối lượng tạm tính 184,3 kg, đơn giá 212.000 đồng, thành tiền 39.079.656 đồng;

- Quy cách 6.0 x 1,500Up x 3,000MM, khối lượng tạm tính 222 kg, đơn giá 212.000 đồng, thành tiền 47.064.000 đồng;

- Quy cách 20.0 x 1,524Up x 3,085MM, khối lượng tạm tính 750,4 kg, đơn giá 212.000 đồng, thành tiền 159.077.546 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng là 269.743.322 đồng.

Thực hiện theo các thỏa thuận trong Hợp đồng, Công ty S đã tiến hành giao hàng theo đúng khối lượng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho Công ty C theo như cam kết. Giá trị thực tế hàng hóa Công ty S đã giao cho Công ty C là 262.583.200 đồng. Bộ hồ sơ chứng từ thanh toán đã được gửi đầy đủ cho Công ty C để đề nghị thanh toán nhưng phía Công ty C chỉ mới thanh toán được cho Công ty S tổng số tiền là 203.709.480 đồng, cụ thể: Thanh toán lần 01 vào ngày 09-12-2022 với số tiền 138.709.480 đồng, sau khi Công ty C nhận đủ hàng và đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán thì Công ty S đã tính phạt vi phạm trên số tiền còn phải thanh toán và nhiều lần gửi công văn đề nghị Công

ty C tất toán phần còn lại; Sau đó, các ngày 06-10-2023, 31-5-2024 và 25-01-2025 thì Công ty C thanh toán thêm lần lượt là 50.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay Công ty C còn nợ số tiền hàng là 58.873.720 đồng.

Do đó, Công ty S khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu Công ty C phải thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 64.783.617 đồng, trong đó: nợ gốc là 58.873.720 đồng và tiền phạt vi phạm là 5.909.897 đồng.

Bị đơn Công ty cổ phần C thông qua người đại diện hợp pháp trình bày: Công ty C thống nhất về việc giao kết cũng như quá trình thực hiện hợp đồng, tuy nhiên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với yêu cầu phạt vi phạm.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30-8-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Thép không gỉ S đối với Công ty cổ phần C: Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty cổ phần Thép không gỉ S tổng số tiền là 64.783.617 đồng, trong đó: nợ gốc là 58.873.720 đồng và tiền phạt vi phạm là 5.909.897 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Kháng cáo: Ngày 11-9-2025, bị đơn Công ty cổ phần Thép không gỉ S kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm đối với phần tiền phạt vi phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, như sau:

1. Phía nguyên đơn là Công ty cổ phần Thép không gỉ S đồng ý giảm cho bị đơn Công ty cổ phần C một phần trong phần phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Như vậy, Công ty cổ phần C còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần Thép không gỉ S tổng số tiền là 62.783.617đ (Sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 58.873.720đ (Năm mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi đồng) và tiền phạt vi phạm là 3.909.897đ (Ba triệu, chín trăm lẻ chín ngàn, tám trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm: Các bên chịu theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phạm vi ủy quyền, những người đại diện hợp pháp của các đương sự có mặt đã thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận như trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty S đảm bảo nội dung và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thuộc trường hợp có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các đương sự thì ngày 05-12-2022, Công ty S và Công ty C giao kết Hợp đồng mua bán số 0512-2022/HĐ/VTStek-SN, trong đó có các điều khoản quy định cụ thể về cách thức thanh toán cũng như việc phạt vi phạm hợp đồng. Công ty C có công văn về việc xin gia hạn thanh toán, theo đó xác nhận số tiền nợ gốc tính đến ngày 07-6-2023 là 123.873.720 đồng, do đó, việc nguyên đơn chỉ tính phạt vi phạm trên số tiền còn phải thanh toán kể từ thời điểm làm đơn khởi kiện là có lợi cho bị đơn.

[3] Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã nêu trên ở phần diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự theo Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty C phải chịu 3.139.181 đồng. Nguyên đơn Công ty S không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.994.000 đồng theo Biên lai thu số 0001152 ngày 07-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12).

[5] Án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty C phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0038181 ngày 13-11-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đã nộp đủ.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Các Điều 38, 296, 300, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 12 Điều 3, Điều 24 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2025/KDTM-ST ngày 30-8-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Công ty cổ phần Thép không gỉ S đồng ý giảm cho bị đơn Công ty cổ phần C một phần trong phần phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Như vậy, Công ty cổ phần C còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần Thép không gỉ S tổng số tiền là 62.783.617đ (Sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 58.873.720đ (Năm mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi đồng) và tiền phạt vi phạm là 3.909.897đ (Ba triệu, chín trăm lẻ chín ngàn, tám trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty cổ phần C phải chịu 3.139.181đ (Ba triệu, một trăm ba mươi chín ngàn, một trăm tám mươi mốt đồng).

Nguyên đơn Công ty cổ phần Thép không gỉ S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.994.000đ (Một triệu, chín trăm chín mươi tư ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001152 ngày 07-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú

Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12)

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần C phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0038181 ngày 13-11-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn đã đóng đủ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14-5-2026).

Nơi nhận:
- VKSND TP . HCM;
- TAND khu vực 12, TP . HCM;
- THADS TP . HCM (Phòng THADS KV12);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Vui